

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:02/VH/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH VINH HIỀN

Địa chỉ: Số 1102, ấp Thạnh Phong, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây,
Tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 0273 523 436 Fax: 0273 523 436

E-mail: info@gaovinhvien.vn

Mã số doanh nghiệp: 1200 528 906

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP : 021/2019/NNPTNT-TG

Ngày cấp: 25/03/2019 /Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và
thuỷ sản tỉnh Tiền Giang

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo HoReCa

2. Thành phần: Gạo HoReCa

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

-Đóng gói PE, PA/PE, OPP/PE đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1: 2011/BYT về
quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ
tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu
chuẩn: 1kg; 2kg; 2,5kg; 3kg; 4kg; 5kg; 10kg.

- Đóng gói trong các bao bì chất liệu PP dệt đạt tiêu chuẩn QCVB 12-
1:2011/BYT về chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì,
dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu
chuẩn: 9,07kg; 10kg; 15kg; 18,14kg; 20kg; 25kg; 30kg; 40kg; 50kg

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản
xuất): Số 1102, ấp Thạnh Phong, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây,
Tỉnh Tiền Giang.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Mặt trước:

Gạo HoReCa

- DẸO – MỀM CƠM – DỄ NẤU -
- Logo: Gạo Vinh Hiền - Chăm lo bữa cơm gia đình
- 25KG
- Giá cạnh tranh
- Tỷ lệ: 1 gạo : 1/1 nước
- Phù hợp với nhà hàng, canteen, khách sạn, trường học, bệnh viện...

Mặt sau:

Câu chuyện thương hiệu:

Gạo HoReCa

- Dẻo – Mềm cơm – Dễ nấu
- Hướng dẫn sử dụng

Bước 1: Cho gạo vào nồi, vo gạo 2 lần bằng nước sạch.

Bước 2: Đong nước và gạo với tỉ lệ 1 chén gạo, 1.1 chén nước (Điều chỉnh lượng nước theo khẩu vị)

Bước 3: Cho vào nồi cơm điện và cắm điện. Nên chọn chế độ nấu lâu (30 - 45 phút) để hạt cơm được chín kĩ và thơm ngon hơn.

Bước 4: Dùng cơm nóng sẽ ngon hơn. Chúc gia đình có những buổi cơm ngon.

Lưu ý: Bạn có thể thêm hoặc giảm lượng nước nếu thấy cơm khô hoặc nhão nhiều.

-THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG:

Khẩu phần 100g

Năng lượng

(Energy) $\geq$ 350Kcal

Carbohydrate $\geq$ 75g

Chất đạm (Protein) $\geq$ 6.0g



Chất béo (Lipid) $\leq$ 0.7g
Canxi $\geq$ 4.0mg

-Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 14 % Tỷ lệ $\leq$ 25%

-Mã vạch sản phẩm: 8938509043261

-NSX:

-HSD: 1 năm kể từ ngày sản xuất

-Hotline: 028 665 999 27

-Logo: Gạo Vinh Hiền Chăm lo bữa cơm gia đình

-Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH VINH HIỀN

-Sản xuất và đóng gói tại nhà máy Vinh Hiền: 1102 Quốc lộ 50, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

-Văn phòng HCM : Số 44, đường 41, p. Tân Phong, quận 7, TP.HCM

ĐT: (028) 665 999 27 – 0907 282 012

Website: www.gaovinhvien.vn

2008-C.2
CÔNG TY
HỮU HẠ
HIỀN
T. TIỀN



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 50/2016/TT-BYT của Bộ y tế về việc ban hành Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tiền Giang, ngày 28 tháng 04 năm 2020.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Huỳnh Văn Danh





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample code
BN12002.24092210
MM12002.240922102

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LDH 01
Ngày/ Date: 29/02/2020

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH VINH HIỀN
Địa chỉ/ Address : SỐ 1102, ẤP THANH PHONG, XÃ YÊN LƯƠNG, HUYỆN GÒ CÔNG
TÂY, TỈNH TIỀN GIANG
Tên mẫu/ Name of sample : GẠO HORECA
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Dạng hạt
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 24/02/2020
Ngày ben trả KH/ Date of issue : 02/03/2020

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	As	mg/Kg	0,08	CASE.TN.0084 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Cd	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0084 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Pb	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0084 (Ref. AOAC 2015.01)
4	Aflatoxin	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 - HPLC (*)

1. KẾT QUẢ NÀY CHỈ ĐƯỢC GIẢM THIỂN MẪU THỬ VÀ KHÔNG CHỈ ĐƯỢC GIẢM THIỂN MẪU THỬ.

2. Thông tin về mẫu thử và kết quả thử nghiệm chỉ mang tính chất tham khảo, không được sử dụng để đưa ra quyết định.

3. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

4. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

5. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

6. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

7. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

8. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

9. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

10. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

11. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

12. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

13. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

14. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

15. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

16. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

17. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

18. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

19. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

20. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

21. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

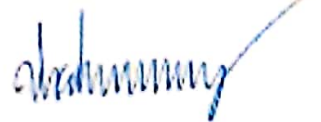
22. Thông tin này chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của khách hàng và không được sử dụng để đưa ra quyết định.

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
5	Dư lượng thuốc trừ sâu họ Chlor	.	Xem đính kèm	.
6	Dư lượng thuốc trừ sâu họ Cúc	.	Xem đính kèm	.
7	Dư lượng thuốc trừ sâu Phospho hữu cơ	.	Xem đính kèm	.

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory



Th.S. Nguyễn Thành Duy

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hạnh

1. KẾT QUẢ SỬ DỤNG CÔNG CỤ VÀ THIẾT BỊ ĐƯỢC KIỂM NGHIỆM VÀ ĐƯỢC CHẤM DẤU CHỨNG NHẬN.

2. Thông tin về mẫu được ghi trên phiếu của khách hàng. Thông tin về thông tin khách hàng không được ghi trên phiếu.

3. Thông tin về các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

4. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

5. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

6. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

7. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

8. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

9. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

10. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

11. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

12. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

13. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

14. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

15. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

16. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

17. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

18. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

19. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

20. Kết quả của các chỉ số kiểm nghiệm hoặc một phần kết quả này được lấy từ kết quả của khách hàng không được ghi trên phiếu của khách hàng.

1. **Correct** Question 1: 1.00 Grade: 100% Feedback: The following are ☐ being only about the best example.

[illegible]